TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh P**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Bà Trịnh Thị Mai Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; nơi cư trú: Khu Đại Thắng, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh PHm Văn L; nơi cứ trú: Khu Đại Thắng, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy (nay là quận D thành phố H). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống

và trong cách giáo dục con cái. Anh L và chị không có sự tin tưởng trong quan hệ tình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, anh chị đã ly thân về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2018 đến nay. Chị và cả ba con chuyển về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau và không hòa giải được. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu PHm Thị Thanh X, sinh ngày 22-02-2002, cháu PHm Thị X H, sinh ngày 03-3-2004 và cháu PHm Minh P, sinh ngày 21-8-2014. Cháu X và cháu H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết, chị đề nghị được nhận nuôi cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2010, vợ chồng chị được bố mẹ chồng cho diện tích đất 239,0 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 đứng tên chị và anh L. Sau đó vợ chồng có xây dựng một ngôi nhà ba gian trên diện tích đất nêu trên. Trong quá trình giải quyết ly hôn, chị có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất theo quy định pháp luật. Đến ngày 03-7-2023 chị H đã làm đơn rút yêu cầu chia tài sản trên và có nguyện vọng sau này để lại tài sản trên cho con trai là PHm Minh P.

Tại bản tự khai, anh L có ý kiến không muốn ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo hòa giải cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án hòa giải và giải quyết việc ly hôn với chị H.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú của anh L chị H thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay. Mẹ đẻ anh L cho biết, anh chị có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ có đôi lần anh L vứt quần áo của chị H, đánh và đuổi chị H đi, chị H cũng đã về nhà bố mẹ đẻ ở, chị H và anh L không hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh L; về con chung: Cháu PHm Thị Thanh X và cháu PHm Thị X H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là PHm Minh P, sinh ngày 21-8-2014 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không phải xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị H và anh PHm Văn L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định tại các điều 9, 11 và 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố H giải quyết ly hôn với anh PHm Văn L cư trú tại phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh L đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các điều 227, điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh PHm Văn L xây dựng gia đình với nhau năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, Hnh P đến năm 2022, thì xảy ra mâu thuẫn. Chị H và anh L đã sống ly thân thời gian dài, không thể hòa giải được. Vợ chồng không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Chị H làm đơn xin ly hôn anh L, Tòa án đã thông báo cho các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng anh L không có mặt nên không hòa giải được. Anh L có lời khai mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không không đến Tòa án để hòa giải và cũng không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi pHm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh L

là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu PHm Thị Thanh X, sinh ngày 22-02-2002, cháu PHm Thị X H, sinh ngày 03-3-2004 và cháu PHm Minh P, sinh ngày 21-8-2014. Hội đồng xét xử xét thấy, Cháu X và cháu H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết, cháu PHm Minh P, sinh ngày 21-8-2014 có nguyện vọng ở với chị H và thực tế cũng đang ăn ở, sinh hoạt cùng chị H, chị H có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi con. Vì vậy đề nghị của chị H, giao cháu PHm Minh P cho chị H nuôi là phù hợp với pháp luật, với thực tế và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: không phải xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H đã rút yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh PHm Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi con chung PHm Minh P, sinh ngày 21-8-2014 cho đến khi con chung khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng tạm

ứng án phí vụ án hôn nhân gia đình theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002852 ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.700.000 (hai mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh L có quyền kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Hòa Nghĩa (ĐKKH số 13/2001);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng